

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 9 năm 2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Mỹ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ và bà Khuru Liên Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu My – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXX-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **T T B S**, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số ###, ấp G, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **D V H M**, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai quá trình giải quyết vụ án chị B S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H M chung sống với nhau năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch Đông, thành phố Bạc Liêu vào ngày 25/4/2017. Quá trình sống chung, thời gian đầu chị và anh H M chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2020 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh M thường xuyên nhậu nhẹt về nhà chửi bới vô cớ, chị đã nhiều lần khuyên nhủ anh M nhưng anh M vẫn không sửa đổi, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, sau đó anh M đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, chị và anh H M đã sống ly thân khoảng giữa năm 2020 đến nay. Nay chị nhận thấy tình trạng hôn nhân của chị và anh H M đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đến nay không thể hàn gắn. Nay chị cương quyết yêu cầu ly hôn với anh H M.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh H M có 01 con chung tên D Q H, sinh ngày 05/10/2014, hiện tại cháu H đang sống chung với chị B S. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và chị không yêu cầu anh H M cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu.

* Bị đơn anh H M có ý kiến trình bày tại biên bản ghi lời khai:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị B S có tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân Vĩnh Trạch Đông, thành phố Bạc Liêu vào ngày 25/4/2017. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, khoảng giữa năm 2020 anh đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị B S yêu cầu ly hôn với anh thì anh thống nhất ly hôn.

Về con chung: Anh và chị B S có 01 con chung tên D Q H, sinh ngày 05/10/2014, hiện tại cháu H đang sống chung với chị B S. Khi ly hôn anh đồng ý giao cháu H cho chị B S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và anh H M thống nhất ý kiến của chị S về việc không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Chị B S yêu cầu ly hôn, anh H M đồng ý ly hôn nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị B S và anh H M. Con chung tên D Q H, sinh ngày 05/10/2014. Giao cháu H cho chị B S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D V H M có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T T B S không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị B S yêu cầu ly hôn với anh H M, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã Vĩnh Trạch Đông, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Chị B S và anh H M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị B S và anh H M.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị B S và anh H M tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị B S xác định cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, không thể tiếp tục kéo dài, chị và anh H M đã sống ly thân khoảng hơn 01 năm nay. Tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng nên chị yêu cầu ly hôn với anh H M. Anh H M thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và vợ chồng đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Nay chị B S yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị B S. Căn cứ Điều 55 luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị B S và anh H M.

[2] Về con chung: Chị B S và anh H M có 01 con chung tên D Q H, sinh ngày 05/10/2014, hiện tại cháu H đang sống chung với chị B S.

Chị B S và anh H M thống nhất giao cháu D Q H, sinh ngày 05/10/2014 cho chị B S trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của chị B S và anh H M phù hợp theo quy định pháp luật nên ghi nhận sự thỏa thuận. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở giao con chung tên D Q H, sinh ngày 05/10/2014 cho chị B S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H M có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H M và chị B S thống nhất không yêu cầu xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Chị B S và anh H M cùng xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nợ chung: Chị B S và anh H M thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự

[5] Trong vụ án này, mặc dù chị B S và anh H M đã thống nhất các nội dung trong vụ án. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H M vẫn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, anh H M chỉ cung cấp lời khai các ý kiến trình bày nêu trên tại biên bản ghi lời khai. Do đó Tòa án phải mở phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay.

[6] Về án phí:

Theo Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "... Trường hợp cả hai thuận tình ly hôn thì mỗi bên đương sự phải chịu một nửa án phí sơ thẩm".

Theo điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định: "... Trường hợp thuận tình ly hôn thì mỗi bên đương sự phải chịu 50% mức án phí".

Chị B S và anh H M thuận tình ly hôn nên án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm

là 150.000 đồng. Chị B S và anh H M mỗi người phải chịu 75.000 đồng, chị B S tự nguyện chịu thay cho anh M nên chị B S phải nộp 150.000 đồng.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T T B S và anh D V H M.

2. Về con chung: Chị T T B S và anh D V H M có 01 con chung cháu D Q H, sinh ngày 05/10/2014 (hiện cháu H đang sống chung với chị B S).

Giao con chung cháu D Q H, sinh ngày 05/10/2014 cho chị T T B S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D V H M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

5. Án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T T B S phải chịu 150.000 đồng, chị B S đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011922 ngày 22/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, nay được hoàn lại 150.000 đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành Tp. Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
- Nơi ĐKKH
- Đương sự;
- Lưu.

Thị Mỹ Hằng